



Mã số/ Code: DV151510219/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ Customer's Name : TRƯỜNG TIỂU HỌC TRUNG VĂN
- Địa chỉ/ Address : Số 1 Ngõ 76 Đường Trung Văn, Phường Đại Mỗ, Hà Nội
- Tên mẫu thử/ Name of Sample : NƯỚC SINH HOẠT MẪU 1: vị trí lấy mẫu: Bể chứa nước sinh hoạt bán trú
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu được đựng trong chai nhựa, nắp kín, số lượng: 1 chai, thể tích 1,5L/chai
- Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 02/02/2026
- Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Không có mẫu lưu
- Ngày thử nghiệm/ Date of test : 02/02/2026-12/02/2026
- Ngày trả kết quả/ Date of issue : 12/02/2026

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

| STT No. | Chỉ tiêu Parameter(s) | Đơn vị Unit | Kết quả Result(s) | Phương pháp thử Test Method | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---------|---|-------------|--------------------|-----------------------------|----------------------|
| 1 | Màu sắc * | mgPt/L | KPH (LOD = 1,5) | TCVN 6185:2015 | 15 |
| 2 | Mùi | - | Không có mùi lạ | Cảm quan | Không có mùi lạ |
| 3 | pH * | - | 8,22 | TCVN 6492:2011 | Trong khoảng 6,0-8,5 |
| 4 | Độ đục * | NTU | 0,04 | SMEWW 2130B:2023 | 2 |
| 5 | Arsen (As) * | mg/L | KPH (LOD = 0,0015) | SMEWW 3114B:2023 | 0,01 |
| 6 | Clo dư tự do | mg/L | KPH (LOD = 0,06) | TCVN 6225-2:2021 | - |
| 7 | Chỉ số Permanganat * | mg/L | < LOQ = 0,5 | TCVN 6186:1996 | 2 |
| 8 | Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) * | mg/L | KPH (LOD = 0,02) | TCVN 6179-1:1996 | 1 |
| 9 | <i>Pseudomonas aeruginosa</i> * | CFU/100mL | KPH (LOD = 1) | TCVN 8881:2011 | < 1 |

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTST/ This report will not be reproduced or republished without VNTST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV151510219/01

| STT No. | Chỉ tiêu Parameter(s) | Đơn vị Unit | Kết quả Result(s) | Phương pháp thử Test Method | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---------|--------------------------------|-------------|-------------------|-----------------------------|--------------------|
| 10 | <i>Staphylococcus aureus</i> * | CFU/100mL | KPH (LOD = 1) | SMEWW 9213B:2023 | < 1 |
| 11 | Coliform tổng số * | CFU/100mL | KPH (LOD = 1) | TCVN 6187-1:2019 | < 1 |
| 12 | <i>E. coli</i> * | CFU/100mL | KPH (LOD = 1) | TCVN 6187-1:2019 | < 1 |

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, ngưỡng giới hạn cho phép

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

THS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTST/ This report will not be reproduced or republished without VNTST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV151510219/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

- Tên Khách hàng/ Customer's Name: **TRƯỜNG TIỂU HỌC TRUNG VĂN**
- Địa chỉ/ Address: **Số 1 Ngõ 76 Đường Trung Văn, Phường Đại Mỗ, Hà Nội**
- Tên mẫu thử/ Name of Sample: **NƯỚC SINH HOẠT MẪU 2: Vòi sử dụng nước sinh hoạt bán trú**
- Mô tả mẫu/ Sample Description: **Mẫu được đựng trong chai nhựa, nắp kín, số lượng: 1 chai, thể tích 1,5L/chai**
- Ngày nhận mẫu/ Date sample received: **02/02/2026**
- Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time: **Không có mẫu lưu**
- Ngày thử nghiệm/ Date of test: **02/02/2026-12/02/2026**
- Ngày trả kết quả/ Date of issue: **12/02/2026**

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

| STT No. | Chỉ tiêu Parameter(s) | Đơn vị Unit | Kết quả Result(s) | Phương pháp thử Test Method | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---------|---|-------------|--------------------|-----------------------------|----------------------|
| 1 | Màu sắc * | mgPt/L | KPH (LOD = 1,5) | TCVN 6185:2015 | 15 |
| 2 | Mùi | - | Không có mùi lạ | Cảm quan | Không có mùi lạ |
| 3 | pH * | - | 8,22 | TCVN 6492:2011 | Trong khoảng 6,0-8,5 |
| 4 | Độ đục * | NTU | 0,08 | SMEWW 2130B:2023 | 2 |
| 5 | Arsen (As) * | mg/L | KPH (LOD = 0,0015) | SMEWW 3114B:2023 | 0,01 |
| 6 | Clo dư tự do | mg/L | KPH (LOD = 0,06) | TCVN 6225-2:2021 | - |
| 7 | Chỉ số Permanganat * | mg/L | < LOQ = 0,5 | TCVN 6186:1996 | 2 |
| 8 | Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) * | mg/L | KPH (LOD = 0,02) | TCVN 6179-1:1996 | 1 |
| 9 | <i>Pseudomonas aeruginosa</i> * | CFU/100mL | KPH (LOD = 1) | TCVN 8881:2011 | < 1 |

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNT-EST/ This report will not be reproduced or republished without VNT-EST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV151510219/02

| STT No. | Chỉ tiêu Parameter(s) | Đơn vị Unit | Kết quả Result(s) | Phương pháp thử Test Method | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---------|--------------------------------|-------------|-------------------|-----------------------------|--------------------|
| 10 | <i>Staphylococcus aureus</i> * | CFU/100mL | KPH (LOD = 1) | SMEWW 9213B:2023 | < 1 |
| 11 | Coliform tổng số * | CFU/100mL | KPH (LOD = 1) | TCVN 6187-1:2019 | < 1 |
| 12 | <i>E. coli</i> * | CFU/100mL | KPH (LOD = 1) | TCVN 6187-1:2019 | < 1 |

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, ngưỡng giới hạn cho phép

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
 QC Manager

TRẦN KHÁNH CHI

VIỆN TRƯỞNG
 DIRECTOR

TRẦN CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNT-EST/ This report will not be reproduced or republished without VNT-EST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.